



UBND TỈNH QUẢNG NGÃI
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ



CHÀO MỪNG QUÝ VỊ ĐẠI BIỂU DỰ
KHÓA TẬP HUẤN
“QUY ĐỊNH VỀ ĐO LƯỜNG, CHẤT LƯỢNG
TRONG KINH DOANH KHÍ DẦU MỎ
HÓA LỎNG (LPG)”

Quảng Ngãi, tháng 02/2023

NỘI DUNG CHÍNH

1. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến sản xuất và kinh doanh khí.
2. Một số nội dung liên quan đến hoạt động kinh doanh khí tại Nghị định số 87/2018/NĐ-CP và Thông tư số 20/2019/TT-BKHHCN

I. CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

- Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật năm 2006; **NĐ số 127/2007/NĐ-CP** ngày 01/8/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật.

- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày năm 2007; **NĐ số 132/2008/NĐ-CP** ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật CLSPHH; **NĐ số 74/2018/NĐ-CP** ngày 15/5/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số **132/2008/NĐ-CP**.

- Luật Đo lường năm 2011; **NĐ số 86/2012/NĐ-CP** của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đo lường

1. CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 Về kinh doanh khí;
- Thông tư số 20/2019/TT-BKHHCN ngày 10/12/2019 Quy định về đo lường, chất lượng trong kinh doanh khí và hoạt động công bố cơ sở pha chế khí tại Việt Nam;
- Thông tư số 14/2019/TT-BKHHCN ngày 15/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Ban hành “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)” (QCVN 8:2019/BKHHCN);

1. CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

- Thông tư số **28/2012/TT-BKHHCN** ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

- Thông tư số **23/2013/TT-BKHHCN** ngày 26/9/2013 quy định về đo lường đối với PTĐ nhóm 2;

- Thông tư số **24/2013/TT-BKHHCN** ngày 30/9/2013 quy định về hoạt động KĐ, HC, TN phương tiện đo, chuẩn đo lường;

1. CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

- Thông tư **28/2013/TT-BKHHCN** ngày 17/12/2013 quy định kiểm tra nhà nước về đo lường;

- Nghị định số **119/2017/NĐ-CP** ngày 01/11/2017 của Chính phủ Quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

- NĐ số **43/2017/NĐ-CP** ngày 14/4/2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa.

**2. QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ
ĐO LƯỜNG, CHẤT LƯỢNG TRONG
KINH DOANH KHÍ TẠI NGHỊ ĐỊNH
SỐ 87/2018/NĐ-CP VÀ THÔNG TƯ
SỐ 20/2019/TT-BKHHCN**

2.1. Giải thích từ ngữ

- Khí quy định tại Nghị định số 87/2018/NĐ-CP và TT số 20/2019/TT-BKHHCN là khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG), khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG) và khí thiên nhiên nén (CNG).

* **Khí dầu mỏ hóa lỏng** là sản phẩm hydrocacbon có nguồn gốc dầu mỏ với thành phần chính là propan (CTHH: C_3H_8) hoặc butan (CTHH: C_4H_{10}) hoặc hỗn hợp của cả hai loại này, tên tiếng Anh: Liquefied Petroleum Gas (viết tắt là LPG); tại nhiệt độ, áp suất bình thường LPG ở thể khí và khi được nén đến một áp suất hoặc làm lạnh đến nhiệt độ nhất định LPG chuyển sang thể lỏng (*Theo k2, Đ3, ND số 87/2018/NĐ-CP*)

2.1. Giải thích từ ngữ

Theo QCVN 8:2019/BKHCN

* Khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG): Là sản phẩm hydrocarbon có nguồn gốc dầu mỏ với thành phần chính là propan (C_3H_8), **propen (C_3H_6)** hoặc butan (C_4H_{10}), **buten (C_4H_8)** hoặc hỗn hợp của các chất này. Tại nhiệt độ, áp suất bình thường các hydrocarbon này ở thể khí và khi được nén đến một áp suất nhất định hoặc làm lạnh đến nhiệt độ phù hợp thì chúng chuyển sang thể lỏng.

2.1. Giải thích từ ngữ

* **Khí thiên nhiên hoá lỏng** là sản phẩm hydrocarbon ở thể lỏng, có nguồn gốc từ khí tự nhiên với thành phần chủ yếu là **Metan** (CH_4), tên tiếng Anh: Liquefied Natural Gas (viết tắt là LNG); tại nhiệt độ, áp suất bình thường LNG ở thể khí và khi được làm lạnh đến nhiệt độ nhất định LNG chuyển sang thể lỏng

* **Khí thiên nhiên nén** là sản phẩm hydrocarbon ở thể khí được nén ở áp suất cao (200 đến 250 bar), có nguồn gốc từ khí tự nhiên với thành phần chủ yếu là Metan (CH_4), tên tiếng Anh: Compressed Natural Gas (viết tắt là CNG)

2.1. Giải thích từ ngữ

*** Thương nhân kinh doanh khí bao gồm:**

- Sản xuất, chế biến khí; Pha chế khí
- Xuất, nhập khẩu khí;
- Kinh doanh mua bán khí;
- Kinh doanh dịch vụ cho thuê cảng xuất, nhập khẩu khí, bồn chứa khí, kho chứa LPG chai; kinh doanh dịch vụ vận chuyển khí;
- Trạm nạp, trạm cấp khí;
- **Cửa hàng bán lẻ LPG chai;**
- SX, sửa chữa chai LPG; SX chai LPG mini.

2.1. Giải thích từ ngữ

- **Trạm nạp khí** là trạm sử dụng phương tiện, thiết bị chuyên dùng để nạp khí vào phương tiện vận tải; nạp vào xe bồn; nạp LPG vào chai.

- **Trạm cấp khí** là trạm sử dụng phương tiện, thiết bị chuyên dùng để cấp khí từ bồn chứa cố định hoặc hệ thống dàn chai LPG trực tiếp qua đường ống dẫn đến nơi sử dụng;

- **Cửa hàng bán lẻ LPG chai** là cửa hàng có bán các loại LPG chai và thiết bị phụ trợ sử dụng LPG cho khách hàng.

2.2. Nguyên tắc quản lý đo lường, chất lượng khí:

1. Đối với LPG, Thương nhân phải thực hiện công bố tiêu chuẩn áp dụng và thực hiện các biện pháp quản lý chất lượng theo quy định tại **quy chuẩn kỹ thuật quốc gia** về khí dầu mỏ hóa lỏng trước khi đưa ra lưu thông trên thị trường (**QCVN 8:2019/BKHCHN**)

2. Đối với (LNG), (CNG), Thương nhân phải công bố tiêu chuẩn áp dụng trước khi lưu thông trên thị trường và bảo đảm chất lượng khí phù hợp tiêu chuẩn công bố áp dụng.

2.2. Nguyên tắc quản lý đo lường, chất lượng khí:

3. TN **phải** chịu trách nhiệm về ĐL, CL khí trong hệ thống phân phối và **liên đới** chịu trách nhiệm đối với các hành vi vi phạm về ĐL, CL của thương nhân thuộc hệ thống phân phối của thương nhân kinh doanh khí.

4. TN áp dụng công nghệ mã số, mã vạch trong hoạt động kinh doanh bảo đảm chất lượng khí, các hồ sơ chất lượng **quản lý** theo công nghệ mã số, mã vạch.

5. Tôn trọng thỏa thuận về đo lường của các bên liên quan khi xác định lượng khí trong mua bán, thanh toán trên cơ sở bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật về đo lường và pháp luật khác có liên quan.

2.3. Quản lý chất lượng trong kinh doanh khí

- QLCL Khí nhập khẩu
- QLCL Khí xuất khẩu
- QLCL Khí sản xuất, chế biến, pha chế trong nước
- QLCL Khí tại thương nhân mua bán khí và cửa hàng bán lẻ LPG chai;
 - QLCL Khí trong Trạm cấp khí, Trạm nạp khí, Trạm nén khí CNG;
 - QLCL khí trong dịch vụ cho thuê cảng xuất, nhập khẩu khí, dịch vụ cho thuê bồn chứa, kho chứa LPG chai và dịch vụ vận chuyển.

2.3.1. Quản lý chất lượng khí nhập khẩu

Thương nhân nhập khẩu khí phải:

- Xây dựng, áp dụng và duy trì Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 hoặc Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/TS 29001:2013.
- Xây dựng quy chế kiểm tra, kiểm soát và tổ chức thực hiện việc tuân thủ các quy định về chất lượng trong hoạt động kinh doanh khí (Có hệ thống phân phối trong nước)

2.3.1. Quản lý chất lượng khí nhập khẩu

- Cung cấp bản sao **thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng khí nhập khẩu** cho thương nhân kinh doanh khí, thương nhân kinh doanh dịch vụ vận chuyển khí;

- Tuân thủ các quy định của pháp luật về ghi nhãn hàng hóa (*NĐ 43/2017/NĐ-CP*)

2.3.1. Quản lý chất lượng khí nhập khẩu

* **Đối với Khí nhập khẩu** thuộc phạm vi điều chỉnh của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (*LPG*), thực hiện các yêu cầu sau:

- Các biện pháp quản lý chất lượng theo quy định tại quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng

cụ thể: LPG → (QCVN 8:2019/BKHCN) ▲

- Đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng khí nhập khẩu theo quy định;

- Bảo đảm chất lượng khí phù hợp QCVN và tiêu chuẩn công bố áp dụng khi xuất cho khách hàng.

2.3.1. Quản lý chất lượng khí nhập khẩu

*** Đối với Khí nhập khẩu Không thuộc phạm vi điều chỉnh của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, thực hiện:**

- Công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với từng loại khí theo quy định;
- Bảo đảm chất lượng khí phù hợp với tiêu chuẩn công bố áp dụng.

2.3.2. Quản lý chất lượng khí xuất khẩu

Thương nhân xuất khẩu khí phải:


- Xây dựng, áp dụng và duy trì Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 hoặc TCVN ISO/TS 29001:2013;
- Cung cấp sản phẩm khí cho thương nhân nước ngoài đúng **chất lượng** theo hợp đồng đã ký kết.

2.3.3. Quản lý chất lượng sản xuất, chế biến, pha chế khí

Thương nhân thực hiện các yêu cầu sau:

- Xây dựng, áp dụng và duy trì Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 hoặc TCVN ISO/TS 29001:2013;
- Có phòng thử nghiệm chất lượng khí hoặc có hợp đồng thuê tối thiểu 01 năm;
- Công bố tiêu chuẩn áp dụng và bảo đảm chất lượng khí phù hợp TCCB trước khi đưa ra lưu thông trên thị trường.

2.3.3. Quản lý chất lượng sản xuất, chế biến, pha chế khí

- Xây dựng và thực hiện **quy chế kiểm tra, kiểm soát và tổ chức thực hiện** việc tuân thủ các quy định về chất lượng;
- Cung cấp cho khách hàng **bản sao thông báo tiếp nhận công bố hợp quy** 
- Khi sử dụng phụ gia để SX, CB, PC khí, thì phải thông báo tiêu chuẩn của phụ gia và cam kết bảo đảm chất lượng phụ gia theo quy định;
- Tuân thủ các quy định của pháp luật về ghi nhãn hàng hóa.

2.3.3. Quản lý chất lượng sản xuất, chế biến, pha chế khí

* Đối với khí thuộc phạm vi điều chỉnh của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (LPG)

- Đánh giá sự phù hợp với QCVN tương ứng;
- Công bố hợp quy; công bố tiêu chuẩn áp dụng;
- Bảo đảm chất lượng khí phù hợp QCVN tương ứng và tiêu chuẩn công bố áp dụng;
- Thực hiện ghi nhãn theo quy định của pháp luật về nhãn hàng hóa.

2.3.3. Quản lý chất lượng sản xuất, chế biến, pha chế khí

*** Khí không thuộc phạm vi điều chỉnh của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia**

- Công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với từng loại khí theo quy định;

- Bảo đảm chất lượng khí phù hợp với tiêu chuẩn đã công bố áp dụng;

2.3.3. Quản lý chất lượng sản xuất, chế biến, pha chế khí

Công bố cơ sở pha chế khí (Đ14)

Thương nhân SX, CB khí và thương nhân XK, NK khí (sau đây viết tắt là thương nhân pha chế khí) lập một (01) bộ hồ sơ pha chế khí theo quy định tại Điều 11 Thông tư này, lưu giữ tại trụ sở, nơi đăng ký hoạt động kinh doanh của thương nhân và lập bản tự công bố phù hợp điều kiện pha chế khí gửi về **Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng**.

Trong thời gian 03 ngày làm việc, Tổng cục TCĐLCL xem xét, đăng tải tên thương nhân và cơ sở pha chế khí trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục TĐC.

2.3.4. Quản lý chất lượng tại thương nhân mua bán khí và cửa hàng bán lẻ LPG chai

1. Đối với TN KD mua bán khí thực hiện yêu cầu:

- Xây dựng, áp dụng và duy trì Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 hoặc TCVN ISO/TS 29001:2013;

- Xây dựng và thực hiện **quy chế kiểm tra, kiểm soát và tổ chức thực hiện** việc tuân thủ các quy định về chất lượng do thương nhân quản lý;

- Bảo đảm chất lượng khí cung cấp trong hệ thống phân phối phù hợp với tiêu chuẩn công bố áp dụng và QCVN, không tiếp nhận khí không rõ nguồn gốc xuất xứ.

2.3.4. Quản lý chất lượng tại thương nhân mua bán khí và cửa hàng bán lẻ LPG chai

- Cung cấp cho khách hàng **bản sao**:

➔ *Bản công bố tiêu chuẩn áp dụng;*

➔ *Thông báo tiếp nhận công bố hợp quy;*

➔ *TB kết quả kiểm tra NN về chất lượng khí NK.*

- Khi phát hiện khí có chất lượng không phù hợp QCVN, TCCBAD thì phải thông báo cho cơ quan có thẩm quyền, người bán để xử lý theo quy định;

- Lưu giữ hồ sơ chất lượng đúng quy định.

2.3.4. Quản lý chất lượng tại thương nhân mua bán khí và cửa hàng bán lẻ LPG chai

2. Đối với cửa hàng bán lẻ LPG chai:

- Đề nghị thương nhân kinh doanh mua bán khí cung cấp hồ sơ chất lượng LPG đối với từng đơn hàng hoặc lô hàng LPG chai được nhập vào cửa hàng;
- LPG chai có nhãn theo quy định của pháp luật về nhãn hàng hóa, chất lượng LPG trong chai phù hợp với QCVN tương ứng và tiêu chuẩn công bố áp dụng;
- Lưu hóa đơn hoặc bản sao hóa đơn mua hàng.

ND 43/2017/ND-CP; ND số 111/2020/ND-CP

2.3.5. Quản lý chất lượng khí trong Trạm cấp khí, Trạm nạp khí, Trạm nén khí CNG

1. Trạm cấp khí; trạm nạp khí vào chai, xe bồn, phương tiện vận tải đáp ứng các yêu cầu sau:

- Có hồ sơ chất lượng khí đối với từng loại khí được nhập vào trạm;
- Hoạt động cấp khí; nạp khí vào chai, xe bồn, phương tiện vận tải, không làm thay đổi chất lượng của khí;
- LPG chai phải có nhãn hàng hóa theo quy định;
- Xây dựng, áp dụng và duy trì Hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2015 hoặc TCVN ISO/TS 29001:2013

2.3.5. Quản lý chất lượng khí trong Trạm cấp khí, Trạm nạp khí, Trạm nén khí CNG

2. Quản lý chất lượng khí trong trạm nén khí CNG

Trạm nén khí CNG đáp ứng các yêu cầu sau:

- Có hồ sơ chất lượng khí đối với khí CNG được nhập vào trạm;
- Hoạt động nén khí CNG, không làm thay đổi chất lượng của khí CNG;
- Xây dựng, áp dụng và duy trì Hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2015 hoặc TCVN ISO/TS 29001:2013.

2.3.6. Quản lý chất lượng khí trong dịch vụ cho thuê cảng xuất, NK khí; dịch vụ cho thuê bồn chứa, kho chứa LPG chai và DV vận chuyển khí

*** Quản lý chất lượng khí trong dịch vụ cho thuê cảng xuất, nhập khẩu khí, bồn chứa khí, kho chứa LPG chai:** *Thương nhân thực hiện các yêu cầu sau:*

- Bảo đảm chất lượng khí do thương nhân sản xuất, chế biến, pha chế, nhập khẩu khí hoặc thương nhân kinh doanh khí cung cấp;

- Khi phát hiện khí có chất lượng không phù hợp quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn công bố áp dụng phải thông báo cơ quan có thẩm quyền và thương nhân cung cấp;

2.3.6. Quản lý chất lượng khí trong dịch vụ cho thuê cảng xuất, nhập khẩu khí; dịch vụ cho thuê bồn chứa, kho chứa LPG chai và dịch vụ vận chuyển khí

- Lưu giữ hồ sơ chất lượng do thương nhân cung cấp. Thời hạn lưu giữ do thương nhân quyết định, bảo đảm việc truy xuất nguồn gốc khi cần thiết.

*** Quản lý chất lượng khí trong dịch vụ vận chuyển**

- Bảo đảm chất lượng khí theo phương tiện vận chuyển do thương nhân kinh doanh khí cung cấp; bảo đảm tính nguyên vẹn của các niêm phong tại các bồn của phương tiện vận chuyển, LPG chai trong suốt quá trình vận chuyển;

2.3.6. Quản lý chất lượng khí trong dịch vụ cho thuê cảng xuất, nhập khẩu khí; dịch vụ cho thuê bồn chứa, kho chứa LPG chai và dịch vụ vận chuyển khí

- Khi phát hiện khí có chất lượng không phù hợp QCVN, tiêu chuẩn công bố áp dụng thì thông báo cho cơ quan có thẩm quyền, thương nhân cung cấp để xử lý theo quy định;
- Lưu giữ hồ sơ chất lượng do thương nhân nhập khẩu, sản xuất, chế biến, pha chế hoặc thương nhân kinh doanh khí cung cấp.

2.4. CHẤT LƯỢNG VÀ ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG LPG TRONG KINH DOANH

2.4.1. Tổng quan về LPG

* Nguồn cung cấp LPG

LPG được cung cấp trên thị trường Việt Nam chủ yếu qua hai nguồn:

- Nguồn nhập khẩu
- Nguồn sản xuất trong nước

2. 4.1. Tổng quan về LPG

* Nguồn cung cấp LPG

- **LPG nhập khẩu từ:** Thái Lan, Malaysia, Singapore, Đài Loan, Trung Quốc,...

- **LPG sản xuất trong nước:**

* Nhà máy xử lý khí Dinh Cố, Bà Rịa - Vũng Tàu

* Nhà máy Lọc hoá dầu Dung Quất - Quảng Ngãi

2.4.1. Tổng quan về LPG

* Nhà máy xử lý khí Dinh Cố

- Vận hành bởi Công ty PVGas
- Sử dụng khí đốt tự nhiên để sản xuất LPG
- Phân phối LPG chủ yếu ở phía Nam và Nam Trung Bộ



2.4.1. Tổng quan về LPG

* Nhà máy lọc dầu Dung Quất

- Vận hành bởi Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn

- Xử lý dầu thô để sản xuất LPG;

- Phân phối LPG chủ yếu ở phía Bắc và Bắc Trung Bộ.



2.4.1. Tổng quan về LPG

* Tính năng của LPG

- Chất không màu, không mùi
- Vận chuyển thể lỏng, đốt cháy ở thể khí
- Nhiệt lượng cao
- Lượng chất thải thấp



2.4.1. Tổng quan về LPG

* Mục đích tiêu thụ LPG

- *Dân dụng*: Hộ gia đình sử dụng LPG làm nhiên liệu, chất đốt trong sinh hoạt;
- *Công nghiệp*: Nguyên/nhiên liệu đầu vào để phục vụ sản xuất: gốm, sứ, thủy tinh, gạch men,... và làm nhiên liệu để chế biến thực phẩm, nông sản, thủy sản;
- *Thương mại*: Khách sạn, nhà hàng, khu vui chơi giải trí,...
- *Giao thông vận tải*: Nhiên liệu thay thế xăng, dầu.

2.4.1. Tổng quan về LPG

* Nhu cầu tiêu thụ LPG

LPG là nguồn năng lượng cao cấp, có nhiều ưu điểm nổi bật như an toàn, sạch, dễ sử dụng... nên được nhiều đối tượng tiêu dùng ưu tiên lựa chọn;

Nhu cầu tiêu thụ LPG ở VN bắt đầu có từ những năm đầu thập kỷ 90 của thế kỷ trước và tăng dần hàng năm.

2.4.2. Chất lượng LPG

LPG là nhiên liệu thông dụng về tính đa năng, có thể dễ dàng được chuyển đổi sang thể lỏng bằng việc tăng áp suất thích hợp hoặc giảm nhiệt độ để dễ tồn trữ và vận chuyển.

Lượng khí độc, tạp chất được sản sinh ra trong quá trình cháy rất thấp đã làm cho LPG trở thành một trong những nguồn nhiên liệu thân thiện nhất với môi trường trên thế giới.

2.4.2. Chất lượng LPG

LPG lỏng chứa rất nhiều năng lượng và có thể hóa hơi được nên cháy rất tốt. Mỗi kg LPG cung cấp **khoảng 12.000 kcal** năng lượng.

Thành phần chủ yếu bao gồm các hydrocarbon parafinic (propan, butan).

Ngoài ra, tùy thuộc vào nguồn nguyên liệu khi chế biến mà trong thành phần có thể có một lượng nhỏ olefin như propen, buten.

2.4.2. Chất lượng LPG

LPG đưa ra thị trường gọi là LPG thương mại. Người ta phân biệt thành 3 loại LPG thương mại sau:

*** Propan thương phẩm:** Là sản phẩm hydrocacbon có thành phần chính là propan, propen và phần còn lại là các alkan và alken từ C2 đến C4 (gồm cả các đồng phân).

2.4.2. Chất lượng LPG

* **Butan thương phẩm:** Là sản phẩm hydrocacbon có thành phần chính là butan, buten và phần còn lại là các alkan và alken từ C3 đến C5 (gồm cả các đồng phân)

* **Hỗn hợp butan và propan thương phẩm:** Là hỗn hợp chủ yếu gồm butan thương phẩm và propan thương phẩm.

2.4.2. Chất lượng LPG

Tính chất của LPG:

- Không màu, không mùi.
- Dễ cháy, nặng hơn không khí, trọng lượng bằng khoảng một nửa trọng lượng nước.
- Không chứa chất độc nhưng có thể gây ngạt thở.
- Có độ tinh sạch cao, không lẫn tạp chất ăn mòn phương tiện vận chuyển và tồn trữ.
- Khi cháy, ít gây ô nhiễm môi trường, không gây độc hại kể cả khi LPG tiếp xúc với thực phẩm.

2.4.2. Chất lượng LPG

Theo các chuyên gia, chất lượng LPG phụ thuộc:

- Thành phần hydrocacbon,
- Hàm lượng lưu huỳnh tổng,
- Hàm lượng olefin và tạp chất. Olefin gây oxy hóa cao dễ tạo nhựa, khi cháy dễ tạo bụi than.

Chất lượng LPG được quy định trong QCVN 8:2019/BKHHCN

2.4.2. Chất lượng LPG

* Ảnh hưởng của chất lượng LPG đến NTD.

Tỷ lệ phối trộn butan và propan trong LPG ảnh hưởng khá lớn đến quá trình đun nấu. Cụ thể:

- **Đối với LPG dân dụng:** Nếu butan nhiều, việc đun nấu sẽ đỡ hao khí hơn (nhiệt lượng butan lớn).

- **Đối với LPG công nghiệp:** Thành phần butan và propan cân bằng thì nguồn khí cháy ổn định hơn.

2.4.2. Chất lượng LPG

*** Chất lượng LPG không đảm bảo, khi sử dụng thường bị các hiện tượng sau:**

- Ngọn lửa cháy có màu đỏ (không xanh), có mùi hôi.
- Để lại muội, cặn ở đáy dụng cụ tiếp xúc.
- Cặn đóng làm bắn đầu phun LPG, khó đánh lửa.
- Hao tốn nhiều LPG khi sử dụng.

2.4.3. Đảm bảo chất lượng LPG trong KD

LPG phải được công bố hợp quy QCVN 8:2019/BKHHCN Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí dầu mỏ hóa lỏng (Thông tư số 14/2019/TT-BKHHCN ngày 15/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

*** Nội dung chính của QCVN 8:2019/BKHHCN:**

2.4.3. Đảm bảo chất lượng LPG trong KD

***Nội dung chính của QCVN 8:2019/BKHHCN:**

a/ Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

- QCVN này quy định mức giới hạn đối với các chỉ tiêu kỹ thuật liên quan đến AT, SK, MT và các yêu cầu về quản lý chất lượng đối với LPG sử dụng làm khí đốt DD, khí đốt CN, Nhiên liệu cho PTGT.

- QCVN này áp dụng đối với các CQ, TC, CN có hoạt động liên quan đến việc NK, SX, CB, PC, KD mua bán LPG tại Việt Nam.

2.4.3. Đảm bảo chất lượng LPG trong KD

b/ Quy định kỹ thuật:

QCVN 8:2019/BKHHCN



c/ Quản lý chất lượng:

- LPG NK, SX, CB, pha chế phải được đánh giá sự phù hợp theo QCVN 08/2019/BKHHCN trước khi đưa ra lưu thông trên thị trường.

- Việc đánh giá sự phù hợp với Quy chuẩn do tổ chức giám định hoặc tổ chức chứng nhận được CQQLNN có thẩm quyền chỉ định hoặc thừa nhận thực hiện.

2.4.3. Đảm bảo chất lượng LPG trong KD

- LPG lưu thông trên tt phải đảm bảo CL theo yêu cầu của QCVN, TCCB áp dụng;
- LPG lưu thông trên tt phải đảm bảo đã được bổ sung chất tạo mùi đặc trưng cho khí gas để nhận biết;
- Chai chứa LPG phải được ghi nhãn;
- LPG NK, SX, CB, PC, lưu thông trên thị trường phải chịu sự kiểm tra nhà nước về chất lượng theo quy định của pháp luật.

2.4.3. Đảm bảo chất lượng LPG trong KD

* Nội dung ghi nhãn gốc đối với sản phẩm LPG chai sản xuất và lưu thông trong nước theo Nghị định 43/2017/NĐ-CP ngày 14/4/2017 về nhãn hàng hóa, sửa đổi bổ sung theo NĐ số 111/2021/NĐ-CP ngày 09/12/2021

+ Tên hàng hóa

+ Tên tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm về LPG
chai

2.4.3. Đảm bảo chất lượng LPG trong KD

+ Địa chỉ tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm về LPG chai

+ Xuất xứ hàng hóa


+ Định lượng: Thể tích thực ở 20⁰C

+ Thành phần

+ Thông tin, cảnh báo an toàn

+ Hướng dẫn sử dụng

+ Hướng dẫn bảo quản

elf gaz danang 

Sản phẩm của Công ty TNHH ELF GAZ ĐÀ NẴNG

ĐC : Xã Tam Quang, Huyện Núi Thành, Tỉnh Quảng Nam * ĐT : 0510. 3872556 / 3872609 * Fax : 0510. 3872502

KHÍ ĐỐT HÓA LỎNG (LPG)

Tiêu chuẩn áp dụng:

TCVN 6548 : 1999; TCVN 6485 : 1999;

TCVN 6304 : 1997; TC 01-2012 EGD

Chỉ tiêu chất lượng : Nhiệt lượng : 11.500 kcal/kg

Nhiệt độ cháy : 1890°C - 1935°C

Thành phần :

Propane : 14% → 86%mol; Butane : 86% → 14%mol

Khối lượng tịnh : 12,5 kg ± 100 g

Khối lượng vỏ bình : Xem trên vỏ bình

Ngày SX :

HSD : theo hạn kiểm định của vỏ bình

Xuất xứ : VIỆT NAM, ASIA

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

- Đặt tránh xa nguồn lửa tối thiểu 1,5m.
- Đặt bình gaz thẳng đứng nơi khô ráo và thông thoáng.
- Thường xuyên kiểm tra dây dẫn và thiết bị sử dụng.
- Ngửi mùi chất chỉ thị mùi để kiểm tra sự rò rỉ gas.
- Không để rò gas ra ngoài không khí.



CẢNH BÁO

NGUY HIỂM

Chứa khí dưới áp suất; có thể nổ nếu gia nhiệt

Hơi và chất lỏng rất dễ cháy

CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ, XÂY DỰNG
VÀ KINH DOANH DỊCH VỤ QUẢNG NGÃI
31-Hai Bà Trưng, Phường Lê Hồng Phong, TP. Quảng Ngãi
Điện thoại : 0255 3720342

KHÍ DẦU MỎ HÓA LỎNG (LPG)

•Thành phần :

Propan – C₃H₈ : 10% - 90%
Butan – C₄H₁₀ : 10% - 90%

•Tiêu chuẩn chất lượng :

Phù hợp với quy chuẩn QG:
QCVN 8:2012/BKHCN
Tiêu chuẩn cơ sở : TCCS: 2015/HSG

•Chỉ tiêu chất lượng :

Nhiệt lượng: 50.000 kJ/kg
Nhiệt độ cháy: 1890°C - 1935°C

•Khối lượng tịnh

Chai dung tích 99 lít: 45 kg ± 100 g
Chai dung tích 26,2 lít : 12 kg ± 100 g

•Khối lượng vỏ bình:

 in trên thân bình

•Ngày sản xuất:

 Xem trên thân bình

•Hướng dẫn bảo quản và sử dụng:

- 1.Chai LPG phải luôn đặt ở vị trí thẳng đứng, nơi thông thoáng.
- 2.Không đặt LPG chai gần nguồn lửa và ổ điện, khoảng cách an toàn > 1,5m
- 3.Phải đảm bảo van chai LPG luôn được khóa chặt sau khi sử dụng xong.
- 4.Không tự ý tháo gỡ, sửa chữa van và chai LPG.

•Đóng bình tại:

Trạm chiết nạp lpg



Nguy hiểm Khí dễ cháy



Cảnh báo Khí nén dễ nổ



Dấu hợp quy

HOANG SA GAS được bảo hiểm tại PVI



UY TÍN
CHẤT LƯỢNG
TẬN TÂM
TẬN TAY

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ MIỀN TRUNG

Địa chỉ: Lô C5-1, KCN Tịnh Phong Huyện Sơn Tịnh, Tỉnh Quảng Ngãi
Tel: 0255.3526166 / 3526168 - Email: psmt@petrosetco.com.vn

PETROSETCO PETGAS[®]

- Tên hàng hóa: Khí dầu mỏ hóa lỏng LPG.
- Khối lượng tịnh 12kg.
- Thành phần:
 - + Propan (C₃H₈): 15% - 85%
 - + Butan (C₄H₁₀): 15% - 85%
- Khối lượng vỏ bình: in trên vỏ bình.
- Nơi chiết nạp đóng bình: Xem trên niêm bình.
- Chiết nạp, đóng bình theo TCCS 06/2018 PETGAS

Hướng dẫn bảo quản & sử dụng:

- + Bình gas phải đặt ở vị trí thẳng đứng, nơi thông thoáng cách nguồn điện tối thiểu 1,5m
 - + Khóa chặt van bình gas sau khi sử dụng.
 - + Không được tự ý tháo gỡ sửa chữa van và bình gas
- Nghiêm cấm sang chiết nạp trái phép



Nguy hiểm
khí rất dễ cháy



Cảnh báo
Chứa khí dưới áp suất
có thể nổ nếu gia nhiệt

SẢN PHẨM PETGAS ĐƯỢC BẢO HIỂM Ở CÔNG TY BẢO HIỂM DẦU KHÍ PVI

2.4.4. Các hành vi bị cấm trong KD LPG

- a. - Sử dụng trạm nạp di động LPG;
- Nạp LPG từ xe bồn vào chai LPG hoặc phương tiện, thiết bị khác;
 - Nạp LPG vào chai mini không được phép nạp lại;
 - Nạp LPG vào chai không thuộc sở hữu;
 - Nạp LPG vào chai không đủ điều kiện lưu thông trên thị trường;
 - Nạp LPG vào chai LPG tại trạm nạp LPG vào ô tô

2.4.4. Các hành vi bị cấm trong KD LPG

- Nạp LPG vào chai LPG được phép nạp lại nhưng chưa được kiểm định hoặc quá thời hạn kiểm định kỹ thuật an toàn
- b. - Bán LPG sai giá niêm yết, không đảm bảo chất lượng quy định;
 - Bán thiếu khối lượng LPG cho khách hàng
 - Đầu cơ trục lợi, liên kết tăng giá bán gây bất ổn thị trường;
 - Các hành vi gian lận thương mại

2.4.4. Các hành vi bị cấm trong KD LPG

c. - Chiếm giữ trái phép, mua, bán, trao đổi chai LPG không thuộc sở hữu

- Nhái vỏ chai, nhái nhãn HH, thương hiệu chai LPG và LPG chai đang lưu thông trên thị trường đã được đăng ký tại cơ quan chức năng có thẩm quyền;

d. - Nhập khẩu chai LPG, thiết bị phụ trợ dùng LPG đã qua sử dụng, không có nguồn gốc xuất xứ, không bảo đảm an toàn cho người sử dụng

- Sản xuất và nhập khẩu các chai LPG, thiết bị phụ trợ dùng LPG không đảm bảo tiêu chuẩn và QCVN

2.4.4. Các hành vi bị cấm trong KD LPG

- e. - Đầu cơ trục lợi, bán thiếu khối lượng, gian lận chất lượng, chiếm đoạt chai LPG
 - Chiết nạp LPG, sửa chữa chai LPG, thiết bị phụ trợ dùng LPG tại cửa hàng bán LPG và cơ sở không được cấp GCN đủ điều kiện nạp LPG;
 - Hoán cải chai LPG làm thay đổi hình dạng thiết kế ban đầu để tăng trọng lượng chai LPG
- f. - Hoạt động SX và sửa chữa chai LPG nhưng CSSX chưa được cấp Giấy phép hoạt động
 - Không có hợp đồng SX, sửa chữa chai LPG với thương nhân chủ sở hữu chai LPG

2.4.4. Các hành vi bị cấm trong KD LPG

- SX, sửa chữa chai LPG và thiết bị phụ trợ dùng LPG không tuân thủ các quy định.

g. Sử dụng, vận chuyển, tàng trữ, kinh doanh LPG chai không đảm bảo chất lượng và chai LPG không được phép lưu hành

h. Sử dụng chai LPG mini không được phép nạp lại trong CSKD dịch vụ ăn uống, quán ăn, quán bia, nhà hàng, khách sạn

2.4.4. Các hành vi bị cấm trong KD LPG

- i. Ghi sai khối lượng chai LPG khi kiểm định nhằm mục đích gian lận khối lượng LPG chai
- k. CSSX hoặc sở hữu chai LPG sử dụng chai LPG có số seri trùng nhau để lưu thông trên thị trường

2.5. ĐO LƯỜNG VÀ ĐẢM BẢO ĐO LƯỜNG TRONG KINH DOANH LPG



I. Một số khái niệm chung về đo lường

1. Đo lường:

là xác định, duy trì giá trị đo của đại lượng cần đo.

2. Quản lý ĐL:

Là việc xây dựng và áp dụng các cơ sở và biện pháp về KH, KT, PL, tổ chức và kinh tế xã hội để đạt được tính thống nhất và độ chính xác cần thiết của phép đo với chi phí ít nhất.

ĐO LƯỜNG TRONG KINH DOANH KHÍ

(Thông tư 20/2019/TT-BKHHCN ngày 10/12/2019)

Điều 5. Quy định về đo lường đối với phương tiện đo trong xuất khẩu, nhập khẩu, sản xuất, chế biến, pha chế, kinh doanh mua bán khí; kinh doanh dịch vụ cho thuê cảng xuất, nhập khẩu khí, bồn chứa khí, kho chứa LPG chai; kinh doanh dịch vụ vận chuyển khí; nạp, cấp khí; bán lẻ LPG chai.

Thương nhân kinh doanh khí bảo đảm các quy định về đo lường sau:

1. Phương tiện đo được sử dụng để xác định lượng khí trong mua bán, thanh toán bảo đảm các yêu cầu sau:
 - a) Có phạm vi đo phù hợp với lượng khí cần đo;
 - b) Đã được kiểm định tại tổ chức kiểm định được chỉ định và còn trong thời hạn giá trị của chứng chỉ kiểm định

- c) phương tiện đo đã được phê duyệt theo quy định;
- d) Các bộ phận, chi tiết, chức năng có khả năng can thiệp làm thay đổi đặc tính kỹ thuật đo lường chính của phương tiện đo được niêm phong hoặc kẹp chì của tổ chức kiểm định;
- đ) Lắp đặt, bảo quản và sử dụng phù hợp với hướng dẫn của cơ sở sản xuất, nhập khẩu;

2. Phương tiện đo được sử dụng để bảo đảm an toàn đáp ứng các yêu cầu sau:

- a) Có phạm vi đo phù hợp với đại lượng cần đo;
- b) Đã được kiểm định hoặc hiệu chuẩn tại tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn đã đăng ký, được chỉ định và trong thời hạn giá trị của chứng chỉ kiểm định, hiệu chuẩn (dấu kiểm định, hiệu chuẩn; tem kiểm định, hiệu chuẩn; giấy chứng nhận kiểm định, hiệu chuẩn)
- c) Phù hợp các yêu cầu quy định tại các điểm c, d, đ khoản 1 Điều này;

3. Khi một hoặc một số phương tiện đo được lắp đặt cùng với các cơ cấu, bộ phận khác tạo thành hệ thống đo thì hệ thống đo này phải đáp ứng yêu cầu kỹ thuật đo lường theo quy định của pháp luật về đo lường.

Điều 6. Yêu cầu về đo lường đối với **phép đo** trong xuất khẩu, nhập khẩu, sản xuất, chế biến, pha chế, kinh doanh mua bán khí; kinh doanh dịch vụ cho thuê cảng xuất, nhập khẩu khí, bồn chứa khí, kho chứa LPG chai; kinh doanh dịch vụ vận chuyển khí; nạp, cấp khí; bán lẻ LPG chai

Thương nhân kinh doanh khí bảo đảm các yêu cầu về đo lường sau:

1. Sử dụng phương tiện đo đáp ứng yêu cầu tương ứng quy định tại Điều 5 Thông tư này;

2. Tuân thủ yêu cầu sử dụng phương tiện đo, hệ thống đo theo hướng dẫn của cơ sở sản xuất, nhập khẩu và yêu cầu chuyên môn nghiệp vụ về đo lường theo hướng dẫn của cơ quan nhà nước về đo lường có thẩm quyền.

Trong quá trình sử dụng hoặc kiểm tra định kỳ, trường hợp phát hiện phương tiện đo, hệ thống đo bị sai hỏng hoặc không bảo đảm yêu cầu về sai số kết quả đo, phải dừng việc sử dụng, thực hiện biện pháp khắc phục để bảo đảm phương tiện đo, hệ thống đo phù hợp yêu cầu quy định;

3. Kết quả đo lượng khí trong mua bán, thanh toán giữa các tổ chức, cá nhân bảo đảm các yêu cầu sau:

a) Trường hợp sử dụng phương tiện đo hoặc hệ thống đo để xác định lượng khí theo đơn vị thể tích hoặc khối lượng:

a1) Kết quả đo lượng LPG theo đơn vị thể tích được quy đổi về điều kiện cơ sở (nhiệt độ là 15°C và áp suất là 101325 Pa). Trường hợp cấp LPG đến hộ gia đình, kết quả đo lượng LPG được xác định tại điều kiện đo thực tế;

a2) Sai số kết quả đo lượng LPG tại điều kiện cơ sở không vượt quá 1,5 lần giới hạn sai số cho phép của phương tiện đo hoặc hệ thống đo được sử dụng;

c) Trường hợp LPG được đóng sẵn vào chai: lượng của LPG trong chai phù hợp với yêu cầu kỹ thuật đo lường đối với lượng của hàng đóng gói sẵn theo quy định của pháp luật về đo lường;

4. Trường hợp công bố sử dụng dấu định lượng trên nhãn LPG đóng sẵn vào chai, phải tuân thủ yêu cầu theo quy định của pháp luật về đo lường;
5. Xây dựng kế hoạch và định kỳ thực hiện tự kiểm tra phương tiện đo, hệ thống đo, điều kiện thực hiện phép đo với các bước công việc chính sau:

- a) Lập kế hoạch nêu rõ nội dung và thời hạn định kỳ tự kiểm tra phương tiện đo, hệ thống đo, điều kiện thực hiện phép đo;
- b) Tiến hành kiểm tra ít nhất một (01) lần trong khoảng thời hạn định kỳ tự kiểm tra theo kế hoạch;
- c) Lưu giữ kết quả định kỳ tự kiểm tra tại địa điểm thuận lợi cho việc thanh tra, kiểm tra của cơ quan, người có thẩm quyền.

II. Đo lường và quản lý ĐL trong KD LPG

Phương tiện đo thường được sử dụng trong giao nhận LPG:

Xuất nhập khẩu: *bể tàu*

Tồn chứa, xuất hàng: *bể đong cố định*

Giao nhận trên đường bộ: *xi téc ô tô*

Giao nhận, chuyển tải trên đường ống, trạm cấp phát: *đồng hồ LPG*

Phân phối, bán lẻ: *đồng hồ LPG, cột đo LPG, bình gas, chai gas*

Phương thức giao nhận:

- *Khối lượng* theo đơn vị *tấn, kg*, và
- *Thể tích* theo đơn vị *m³, Lít*.

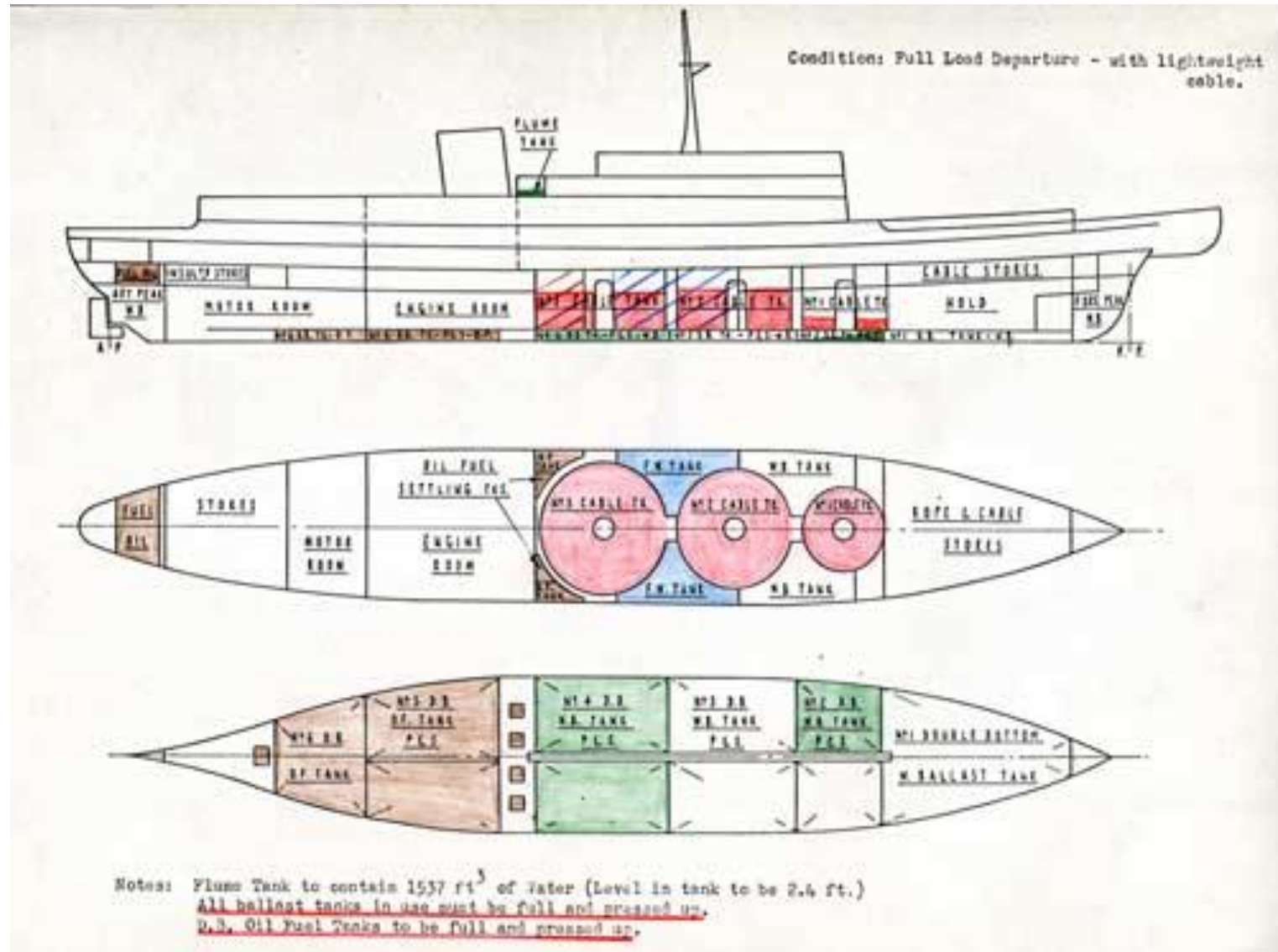
1. Phương tiện đo LPG, độ chính xác và các yếu tố ảnh hưởng đến độ chính xác trong giao nhận

1.1 Bể tàu

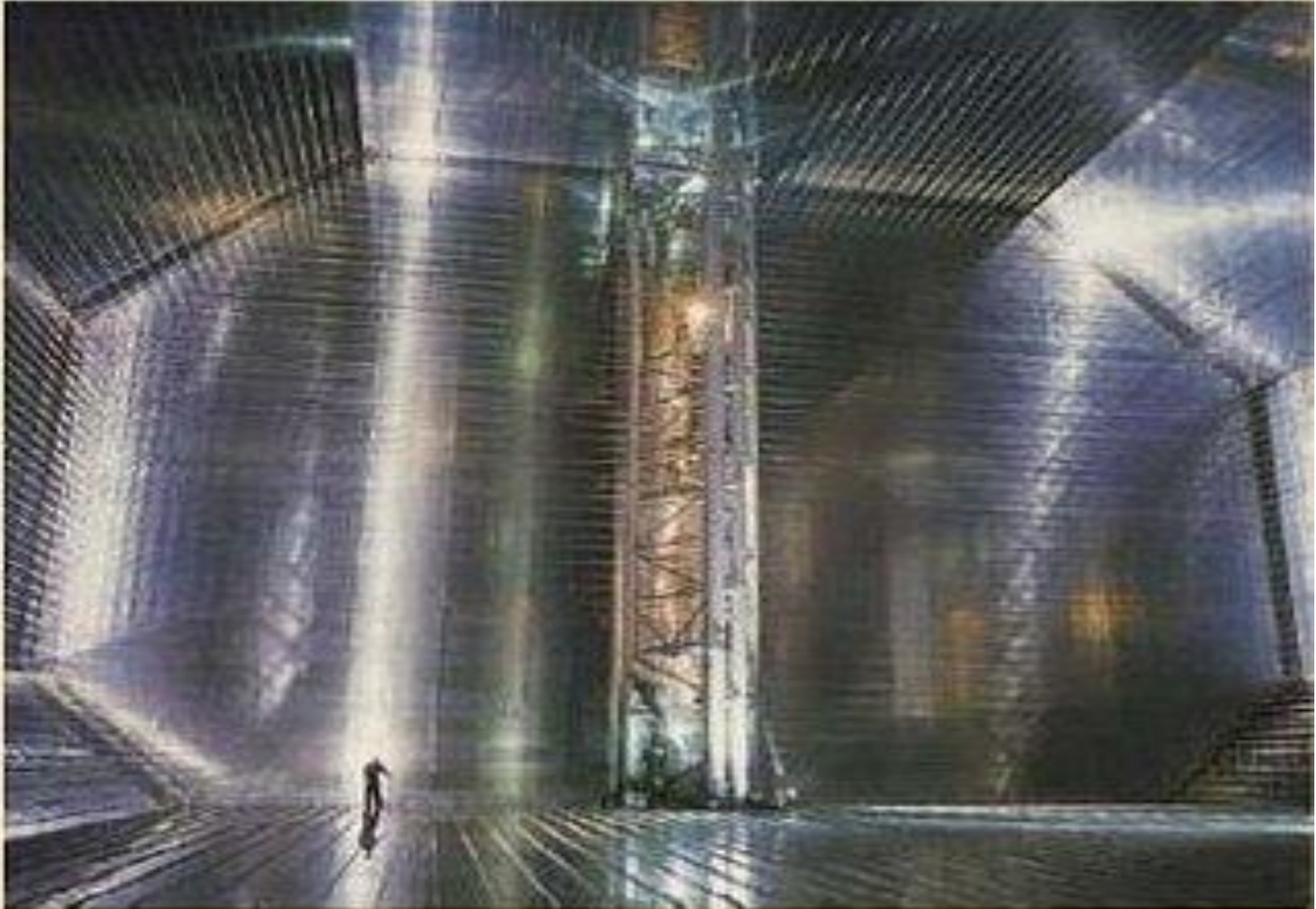
a) Mô tả

- *khoang chứa trực tiếp* trong tàu hoặc *bể chứa rời*
- được lắp đặt cố định trong khoang chứa.
- Dạng *hình hộp* hoặc *hình trụ*, phía dưới tiết diện có biến thiên theo biên dạng của thành vỏ tàu.

Hình 1. Bể tàu



Hình 2. Bể tàu nhìn từ bên trong



1.2 Bể đong cố định

a) Mô tả

- Các dạng cơ bản:
 - Hình trụ đứng: hình 3
 - Hình trụ nằm ngang: hình 4, và
 - Hình cầu hoặc phỏng cầu: hình 5

Hình 3. Bể trụ đứng



Hình 4. Bể trụ nằm ngang



Hình 5. Bể cầu hoặc phồng cầu



1.3 Xi téc LPG

a) Mô tả

- Xi téc ô tô thường được chế tạo theo ***dạng bể trụ nằm ngang, đặt cố định*** trên khung ô tô chuyên dùng;
- Phương thức **giao nhận**:
 - theo khối lượng ***toàn phần qua cân ô tô*** (hình 6);
 - và có hệ thống đo bằng ***đồng hồ để cấp lẻ*** cho các hộ sử dụng (hình 7).

Hình 6. Xi téc LPG giao nhận toàn phần



Hình 7. Xi téc LPG có hệ thống đo bằng đồng hồ



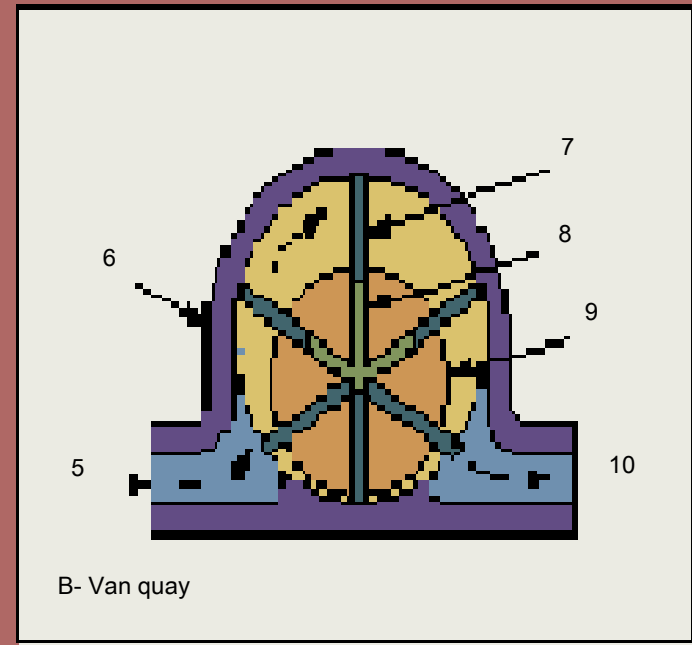
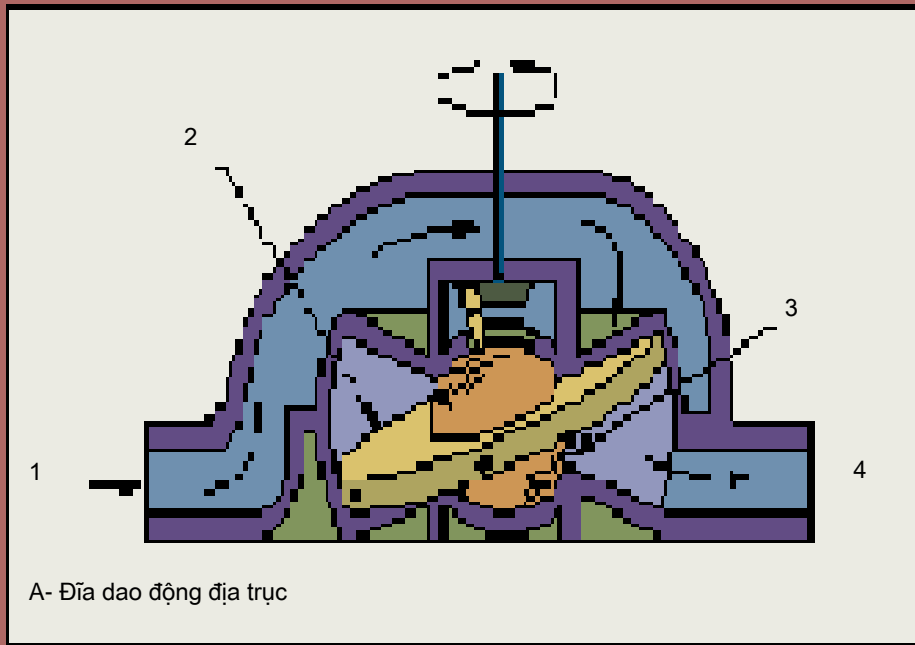
1.4 Đồng hồ LPG

a) Mô tả

- Đồng hồ là **phương tiện đo liên tục**, có chức năng nhớ và hiển thị lượng chất lỏng đi qua và ***được sử dụng trong các hệ thống đo***, giao nhận, chuyên tải chất lỏng trên đường ống và các trạm cấp phát.

- Một số loại **đồng hồ đo LPG thông dụng**, chỉ thị kiểu cơ khí hoặc điện tử :
 - **Đồng hồ thể tích** (hình 8)
 - **Đồng hồ tua bin** (hình 9)
 - **Đồng hồ kiểu khối lượng - Coriolis** (hình 10)

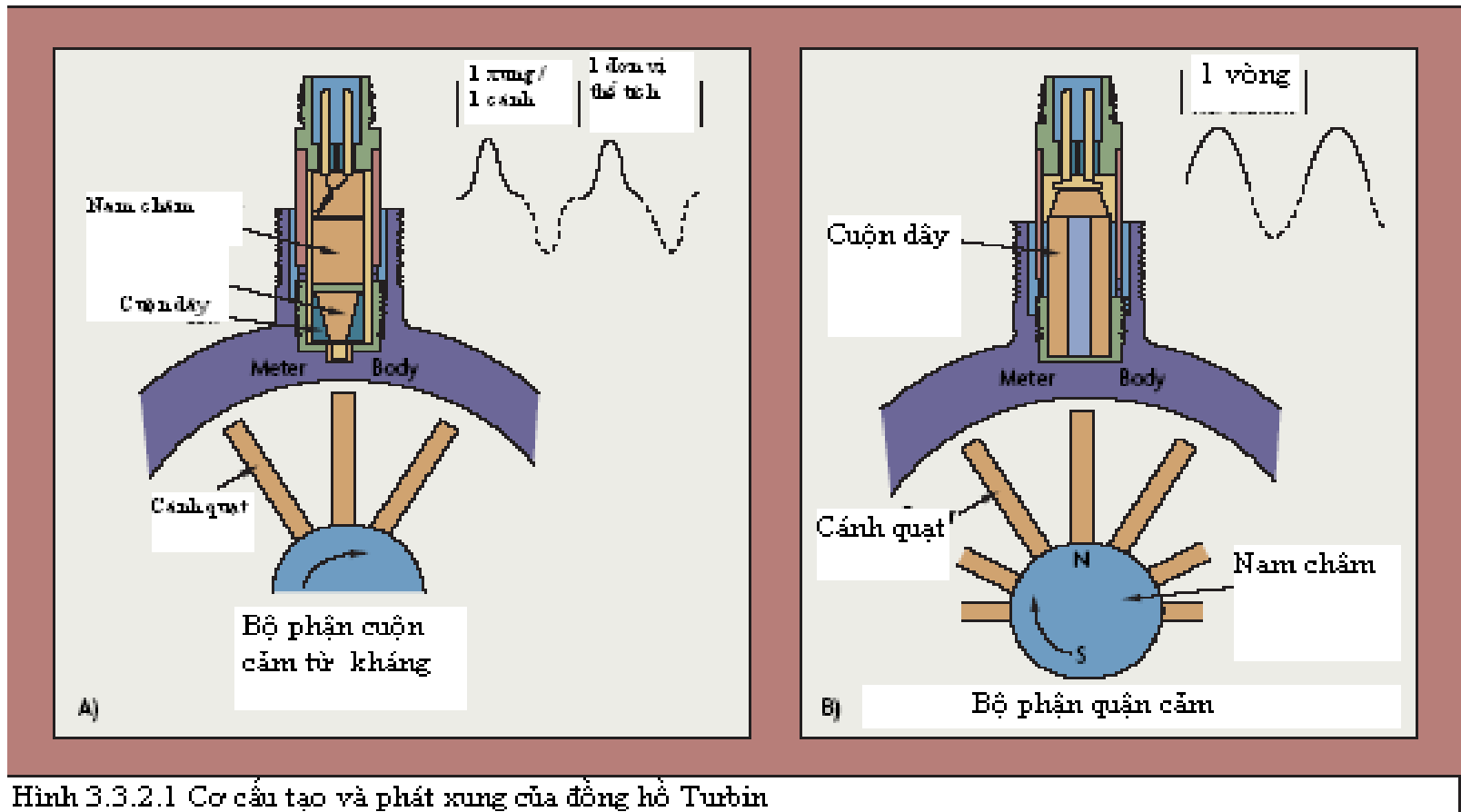
Hình 8. Đồng hồ thể tích



Hình 8. Đồng hồ thể tích



Hình 9. Đồng hồ tua bin

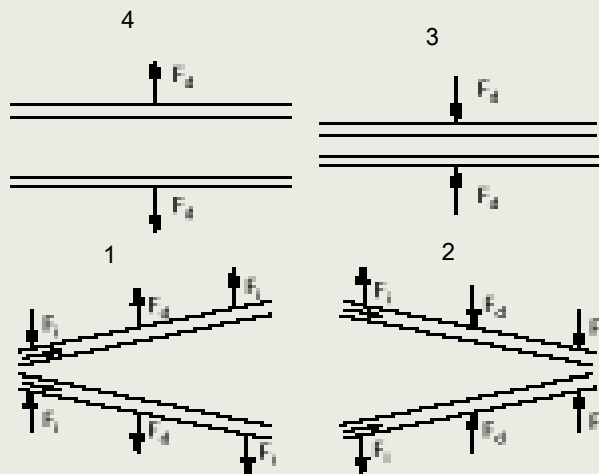
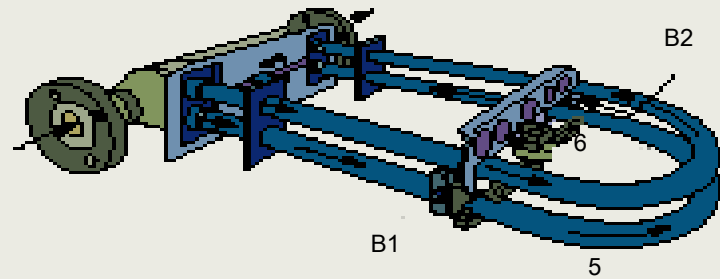


Hình 3.3.2.1 Cơ cấu tạo và phát xung của đồng hồ Turbin

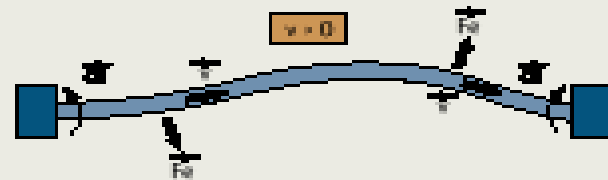
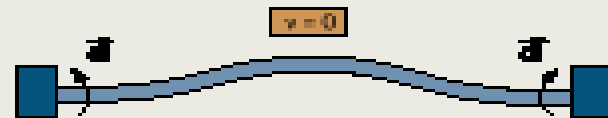
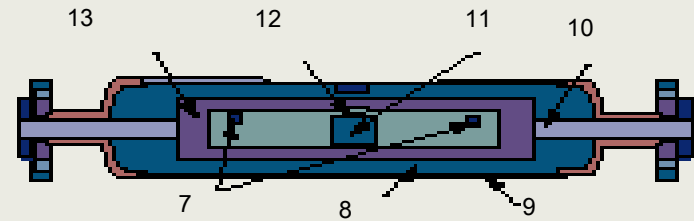
Hình 9. Đồng hồ tua bin



Hình 10. Đồng hồ Coriolis



A)



B)

Hình 10. Đồng hồ Coriolis

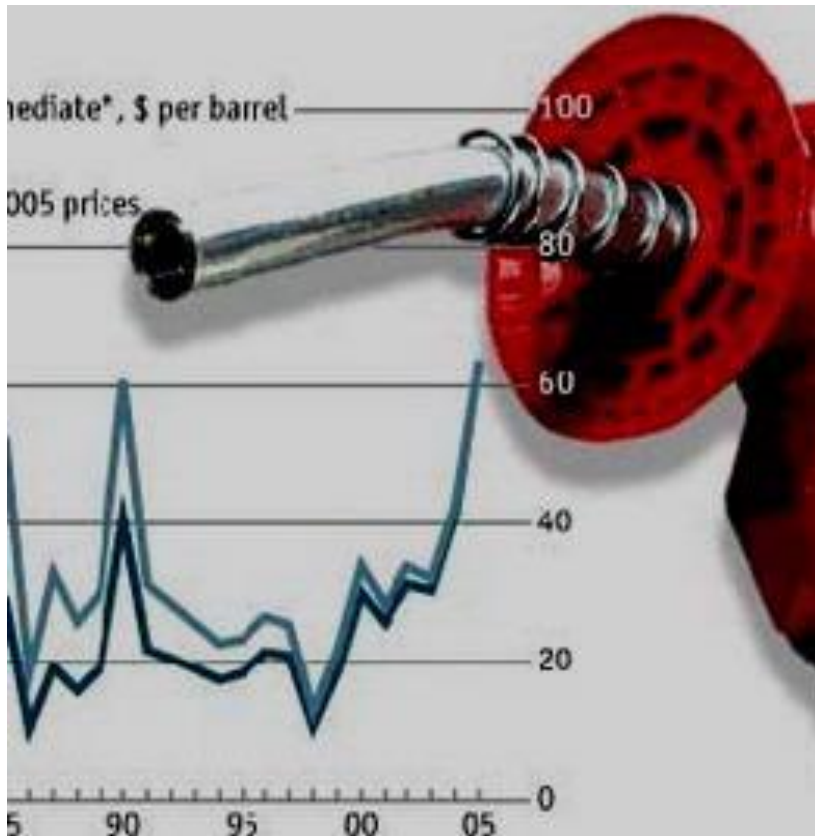


1.5 Cột đo LPG

a) Mô tả

- Là **hệ thống đo** như cột đo xăng dầu (hình 12).
- LPG có một số **đặc tính** khác với xăng dầu:
 - Tính *hóa hơi* khi không bị nén, vì vậy hệ thống đo phải đảm bảo độ kín cao và toàn bộ quá trình đo, xả hàng đều phải ở trong trạng thái kín.
 - Độ *giãn nở thể tích* theo nhiệt độ và áp suất cao (khoảng $0,3\%/1^{\circ}\text{C}$) nên thể tích đo phải được quy đổi về điều kiện tiêu chuẩn (nhiệt độ 15°C , áp suất 1 bar).
- Cột đo LPG còn phải có thêm *cơ cấu chuyển đổi thể tích theo nhiệt độ và áp suất* về điều kiện tiêu chuẩn.

Hình 12. Cột đo LPG



Bình/Chai LPG

Hiện nay, phương tiện giao nhận, mua bán lẻ LPG trên thị trường được thực hiện chủ yếu qua các bình/chai LPG được nạp từ bồn chứa bằng thiết bị chuyên dùng (**dây chuyền nạp tự động** hình 13 a, 13 b) theo một khối lượng nhất định.

Hình 13 a - Dây chuyền nạp LPG



Hình 13 b - Dây chuyền nạp LPG



- **Khối lượng tịnh** của bình/chai LPG: **12 kg** hoặc **45 kg**, bình mini **250 g**.
- Bình/chai LPG được coi như là một dạng ***hàng đóng gói sẵn*** theo định lượng.
- **Độ chính xác:** Phụ thuộc vào ***độ chính xác của cân*** trong dây chuyền nạp

- *Yêu cầu về đo lường* phải phù hợp với Quy định về việc đo lường đối với lượng của hàng đóng gói sẵn theo Thông tư 21/2014/TT-BKHCN
- **Lượng thiếu cho phép** T so với lượng định mức Qn được quy định như ở bảng 1

bảng 1

Lượng định mức (Q_n), g	Lượng thiếu cho phép T	
	theo % của Q_n	theo g
Lớn hơn 0 đến 5	-	-
Trên 5 đến 50	9	-
Trên 50 đến 100	-	4,5
Trên 100 đến 200	4,5	-
Trên 200 đến 300	-	9
Trên 300 đến 500	3	-
Trên 500 đến 1 000	-	15
Trên 1 000 đến 10 000	1,5	-
Trên 10 000 đến 15 000	-	150
Trên 15 000	1,0	-

* Phương pháp Kiểm tra đo lường đối với hàng đóng gói sẵn

Yêu cầu đối với PTĐ để kiểm tra

PTĐ dùng để kiểm tra đo lường đối với hàng đóng gói sẵn phải được kiểm định và đảm bảo độ chính xác theo yêu cầu sau:

- Phạm vi đo phù hợp với mức cân hàng đóng gói sẵn và phải có giá trị độ chia tương ứng mức cân này theo quy định
- Có sai số cho phép lớn nhất không quá $1/5$ lượng thiếu cho phép T tương ứng

- Lô HĐGS (gọi tắt là lô) là tập hợp các đơn vị HĐGS giống nhau được sản xuất, sang bao (chai) đóng gói, nhập khẩu, lưu thông, buôn bán, với cùng một lượng danh định, dưới những điều kiện như nhau, mà từ đó HĐGS được lấy ra để tiến hành đánh giá sự phù hợp với yêu cầu kỹ thuật đo lường.

Cỡ lô (N) là con số chỉ tổng số đơn vị HĐGS trong lô kiểm tra.

- Cỡ mẫu(n) là con số chỉ tổng số đơn vị HĐGS phải lấy mẫu ngẫu nhiên trong lô để đánh giá

2. Yêu cầu về kỹ thuật đo lường đối với hàng đóng gói sẵn nhóm 2

Yêu cầu về giá trị trung bình X_{tb}

Trường hợp cỡ mẫu (n) bằng cỡ lô(N) $n = N$:

Giá trị trung bình X_{tb} của lượng thực Q_r của các đơn vị hàng đóng gói sẵn trong lô kiểm tra không được nhỏ hơn lượng danh định Q_n ($X_{tb} \geq Q_n$).

Trường hợp $n < N$

Giá trị trung bình X_{tb} phải thoả mãn yêu cầu theo biểu thức sau:

$$X_{tb} \geq Q_n - k \cdot s$$

2. Yêu cầu về kỹ thuật đo lường đối với hàng đóng gói sẵn nhóm 2

Trong đó:

+ s là độ lệch bình phương trung bình của lượng thực, được tính theo công thức sau:

$$s = \sqrt{\frac{\sum_{i=1}^n (Q_r^i - X_{tb})^2}{n-1}}$$

n là số lượng đơn vị hàng đóng gói phải kiểm tra;
+ k là hệ số hiệu chỉnh.

Giá trị của n và k tương ứng với cỡ lô và trường hợp lấy mẫu được quy định tại phụ lục 3 TT 21/2014/TT-BKHCN

2. Yêu cầu về đo lường đối với hàng đóng gói sẵn

Yêu cầu về số lượng đơn vị hàng đóng gói sẵn không phù hợp

- Trường hợp cỡ mẫu (n) bằng cỡ lô (N) ($n=N$):
Số đơn vị hàng đóng gói sẵn không phù hợp không được vượt quá 2,5% cỡ lô
Không được có bất kỳ đơn vị hàng đóng gói sẵn không phù hợp có lượng thiếu lớn hơn 2 lần lượng thiếu cho phép T

2. Yêu cầu về đo lường đối với hàng đóng gói sẵn

- Trường hợp cỡ mẫu (n) nhỏ hơn cỡ lô (N) ($n < N$):
 - + Thì số đơn vị hàng đóng gói sẵn không phù hợp không được vượt quá giá trị cho phép quy định sau theo bảng (lấy mẫu tại nơi SX, nhập khẩu, lưu thông, buôn bán)
 - + Không được có bất kỳ đơn vị hàng đóng gói sẵn không phù hợp có lượng thiếu lớn hơn 2 lần lượng thiếu cho phép T

Cỡ lô N	Cỡ mẫu n	Hệ số hiệu chính K	Số lượng đơn vị HĐGS không phù hợp cho phép
Từ 1 đến 10	N	-	-
Từ 11 đến 50	10	1,028	0
Từ 51 đến 99	13	0,848	1
Từ 100 đến 500	50	0,379	3
Từ 501 đến 3200	80	0,295	5
Trên 3200	125	0,234	7

Trường hợp lấy mẫu tại nơi nhập khẩu, lưu thông, buôn bán mà cần phải hủy bao bì thì Số lượng đơn vị HĐGS không phù hợp cho phép:

Cỡ lô N	Cỡ mẫu n	Hệ số hiệu chỉnh K	Số lượng đơn vị HĐGS không phù hợp cho phép
Từ 100 trở lên	20	0,640	1

4. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN ĐƠN VỊ

4.1. Trách nhiệm của Bộ KH&CN

- Tổ chức triển khai thực hiện hoạt động quản lý đo lường, chất lượng khí và hoạt động công bố cơ sở pha chế khí
 - Tiếp nhận bản thông báo tiêu chuẩn của phụ gia và cam kết bảo đảm chất lượng phụ gia đúng quy định;
 - Chủ trì, phối hợp tổ chức thanh tra, kiểm tra việc tuân thủ quy định về đo lường, chất lượng đối với thương nhân kinh doanh khí;

4.1. Trách nhiệm của Bộ KH&CN

- Chậm nhất sau 03 tháng kể từ ngày nhận được bản tự công bố, Tổng cục TĐC chủ trì tổ chức kiểm tra (hậu kiểm) tại các cơ sở pha chế khí theo bản tự công bố phù hợp điều kiện pha chế của thương nhân và theo quy định.

Nếu không đáp ứng điều kiện quy định tại NĐ số 87/2018/NĐ-CP và TT số 20/2019/BKH&CN, thì Tổng cục TĐC bỏ tên thương nhân khỏi danh sách cơ sở pha chế khí đã công bố trên Cổng thông tin điện tử, đồng thời có VB thông báo cho Bộ Công Thương, UBND tỉnh, TP nơi thương nhân pha chế khí hoạt động và thương nhân biết;

4.1. Trách nhiệm của Bộ KH&CN

- Phê duyệt mẫu phương tiện đo; cấp giấy chứng nhận đăng ký và chỉ định tổ chức kiểm định phương tiện đo theo quy định của pháp luật về đo lường;
- Hướng dẫn chi tiết về yêu cầu kỹ thuật đo lường đối với phương tiện đo, hệ thống đo, quy đổi kết quả đo lường khí về điều kiện cơ sở, phương pháp tính toán xác định lượng khí; hướng dẫn về việc kiểm tra phép đo, kết quả đo.
- Tiếp nhận thông báo của cơ quan, tổ chức, cá nhân về chất lượng khí **không phù hợp** QCVN, TC công bố áp dụng để xem xét, xử lý;

4.2. Trách nhiệm của cơ quan tham mưu, giúp việc Ủy ban nhân dân các tỉnh (Sở)

- Phê duyệt kế hoạch thông tin, tuyên truyền, hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ về ĐL, CL;
- Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn **chủ trì**, phối hợp thực hiện thanh tra, kiểm tra nhà nước về đo lường, chất lượng khí đối với:
 - + Trạm nạp khí, Trạm cấp khí, Trạm nén khí CNG,
 - + TN KD mua bán khí, cửa hàng bán lẻ LPG chai, TN KD DV vận chuyển khí trên địa bàn.

4.3. Trách nhiệm của đơn vị chuyên môn thực hiện chức năng, nhiệm vụ về TC ĐL CL

- Chủ trì, phối hợp tổ chức thanh tra, kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất về ĐL, CL tại:

+ Trạm nạp khí, Trạm cấp khí, Trạm nén khí CNG;

+ TN KD mua bán khí, cửa hàng bán lẻ LPG chai, và các đơn vị phân phối khác trên địa bàn tỉnh

- Định kỳ hoặc đột xuất khi có yêu cầu, tổng hợp báo cáo Tổng cục TĐC.

4.4. Trách nhiệm của của thương nhân kinh doanh khí (*Điều 22, Thông tư số 20*)

(1) Tuân thủ các quy định về **quyền và nghĩa vụ** của thương nhân tại **NĐ số 87/2018/NĐ-CP** và các văn bản quy phạm pháp luật về đo lường, chất lượng liên quan (*từ Điều 20 – Điều 35, NĐ 87*) ▲

(2) Thực hiện các biện pháp quản lý ĐL, CL bảo đảm chất lượng khí khi đưa ra lưu thông trên thị trường phù hợp TC công bố áp dụng, QCVN.

(3) Thực hiện các biện pháp theo yêu cầu của CQQLNN để người có trách nhiệm và nghĩa vụ liên quan có thể kiểm tra ĐL, CL của khí cung cấp cho KH;

4.4. Trách nhiệm của của thương nhân kinh doanh khí (*Điều 22, Thông tư số 20*)

- (4) Tuân thủ các quy định của pháp luật về ATVSLĐ, ATPCCC và BVMT;
- (5) Chịu sự thanh tra, kiểm tra về ĐL, CL;
- (6) Có hành vi vi phạm về quản lý ĐL, CL khí thì bị xử lý vi phạm hành chính theo quy định pháp luật;
- (7) Lưu giữ hồ sơ đo lường, chất lượng khí theo quy định.

4.5. Trách nhiệm của thương nhân pha chế khí (*Điều 23, TT 20*)

- (1) Tuân thủ và thực hiện quy định tại Thông tư này.
- (2) Chỉ đưa vào lưu thông trên thị trường các loại khí đáp ứng các yêu cầu về chất lượng theo quy định;
- (3) Chịu sự thanh tra, kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền trong hoạt động pha chế khí;
- (4) Lưu giữ hồ sơ pha chế khí theo quy định tại Thông tư này.

4.6. Trách nhiệm của cửa hàng bán lẻ LPG chai

(Điều 32, NĐ 87)

(1). Không mua, bán LPG chai và chai LPG không có nguồn gốc xuất xứ, không đủ điều kiện lưu thông trên thị trường, không phù hợp với hợp đồng.

(2) Lựa chọn và treo biểu hiệu, biểu tượng của thương nhân mà cửa hàng ký hợp đồng bán LPG chai.

(3) Chỉ được bán LPG chai của thương nhân có Giấy chứng nhận đủ điều kiện còn hiệu lực mà cửa hàng đã ký hợp đồng còn hiệu lực;

4.6. Trách nhiệm của cửa hàng bán lẻ LPG chai

(4) Không chiếm giữ chai LPG của các thương nhân kinh doanh LPG ngoài hợp đồng mà cửa hàng đã ký.

(5) Niêm yết giá bán LPG chai và bán đúng giá niêm yết; chịu trách nhiệm về khối lượng, chất lượng chai LPG bán cho khách hàng;

(6) Thực hiện chế độ ghi chép và xuất hóa đơn, chứng từ theo quy định của Bộ Tài chính;

(7) Tuân thủ các quy định về an toàn, phòng cháy và chữa cháy theo quy định;

4.6. Trách nhiệm của cửa hàng bán lẻ LPG chai

(8) Các chai LPG khi bán cho khách hàng phải còn nguyên niêm phong, tuyệt đối kín, bảo đảm chất lượng, khối lượng và nhãn mác đã đăng ký.

(9) Kiểm tra độ kín của van chai, các đầu nối và ống mềm sau khi lắp đặt mới hoặc thay chai LPG xong, có sự chứng kiến quá trình kiểm tra và ký tên xác nhận vào biên bản giao nhận của khách hàng sử dụng.

(10) Chỉ được thay thế, cung cấp cho khách hàng các loại phụ kiện đảm bảo an toàn khi sử dụng

4.6. Trách nhiệm của cửa hàng bán lẻ LPG chai

(11) Phải cung cấp tài liệu hướng dẫn và hướng dẫn trực tiếp các thông tin cần thiết về an toàn khi sử dụng LPG, các biện pháp đề phòng, các bước xử lý khi LPG rò rỉ; quy trình sử dụng bếp ga, chai chứa và các phụ kiện kèm theo cho khách hàng sử dụng bếp ga, chai LPG của cửa hàng.

(12). Lập sổ hoặc cơ sở dữ liệu điện tử ứng dụng công nghệ thông tin theo dõi chai LPG bán tại cửa hàng (chủ sở hữu, loại chai, số sê ri chai, hạn kiểm định trên chai, nơi nhập chai chứa cho cửa hàng, ngày nhập...)

4.6. Trách nhiệm của cửa hàng bán lẻ LPG chai

(13) Chủ cửa hàng, nhân viên làm việc tại cửa hàng phải được huấn luyện về kỹ thuật an toàn, phòng cháy và chữa cháy theo quy định.

(14) Tuân thủ các quy định về quản lý an toàn, phòng cháy và chữa cháy, quản lý đo lường, chất lượng trong hoạt động kinh doanh khí quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan.

III. Tình hình vi phạm

1. Các vi phạm về chất lượng LPG chủ yếu là:

- DN không công bố TCCL của LPG;
- Nhận LPG không rõ nguồn gốc, không bảo đảm về chất lượng.
- Chất lượng LPG chưa được kiểm tra thường xuyên khi giao nhận.
- Có hiện tượng các trạm cấp, nạp LPG đã trộn lẫn các loại LPG kém chất lượng/LPG không rõ nguồn gốc với LPG chất lượng tốt để bán.

III. Tình hình vi phạm

- Có hiện tượng nạp các chất lỏng khác nặng hơn LPG vào chai LPG để giảm lượng LPG thực, làm giảm chất lượng LPG, nhằm thu lợi bất chính.

- Vi phạm các quy định về nhãn hàng hóa trong KD.

...

III. Tình hình vi phạm

2. Các vi phạm về đo lường:

- Làm *thay đổi khối lượng vỏ bình* bằng cách hàn thêm sắt vào vỏ bình.
- Chiết nạp *không đủ khối lượng LPG* vào bình/chai.
- bình không được kiểm định.
- sang chiết LPG trái phép.
- Nhận định: vi phạm trong kinh doanh LPG *vượt xa và nguy hiểm* hơn trong lĩnh vực xăng dầu.

IV. Hành vi vi phạm và xử phạt

Theo **NĐ 119/2017/NĐ-CP** ngày **01/11/2017** Quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực TC, ĐL và CL sản phẩm, hàng hóa; **NĐ 126/2021/NĐ-CP** ngày **30/12/2021** của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của **NĐ 119**

** Hình thức xử phạt chính sau đây:*

- Phạt cảnh cáo;
- Phạt tiền.

IV. Hành vi vi phạm và xử phạt

** Hình thức xử phạt bổ sung:*

- Tước quyền sử dụng có thời hạn từ 01 tháng đến 12 tháng;
- Đình chỉ hoạt động có thời hạn từ 01 tháng đến 03 tháng;
- Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm.

IV. Hành vi vi phạm và xử phạt

** Biện pháp khắc phục hậu quả:*

- Buộc tiêu hủy; Buộc đưa ra khỏi lãnh thổ; Buộc cải chính thông tin sai sự thật; Buộc loại bỏ yếu tố vi phạm trên hàng hóa; Buộc kiểm định lại phương tiện đo;

- Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm hành chính;

- Buộc thu hồi sản phẩm, hàng hóa hoặc phương tiện đo;

IV. Hành vi vi phạm và xử phạt

- Buộc thu hồi giấy chứng nhận hệ thống quản lý, chứng chỉ kiểm định;
- Buộc thu hồi chứng chỉ đào tạo, thử nghiệm, kiểm định, giám định...
- Buộc thay đổi mục đích sử dụng, buộc sửa đổi tiêu chuẩn công bố áp dụng.

IV. Hành vi vi phạm và xử phạt

Điều 3. Quy định về mức phạt tiền tối đa

** Mức phạt tiền tối đa trong lĩnh vực đo lường:*

- Đối với cá nhân: **100 triệu đồng**
- Đối với tổ chức: **200 triệu đồng**

** Mức phạt tiền tối đa trong lĩnh vực tiêu chuẩn, chất lượng sản phẩm, hàng hóa*

- Đối với cá nhân: **150 triệu đồng**
- Đối với tổ chức: **300 triệu đồng**

IV. Hành vi vi phạm và xử phạt

1. Vi phạm trong sử dụng phương tiện đo nhóm 2:

*** Một trong các hành vi khi Sử dụng PTĐ (một hoặc nhiều PTĐ) sau (*k1, k2, Đ10*):**

- Không có chứng chỉ kiểm định (tem, dấu, giấy chứng nhận) hoặc hiệu chuẩn theo quy định;
- Chứng chỉ kiểm định hoặc hiệu chuẩn đã hết hiệu lực;
- Tự ý tháo dỡ niêm phong, kẹp chì, chứng chỉ KĐ hoặc hiệu chuẩn;
- không thực hiện kiểm định đối chứng theo quy định;
- Không bảo đảm các điều kiện vận chuyển, bảo quản ...

IV. Hành vi vi phạm và xử phạt

Mức phạt tùy thuộc vào tổng giá trị PTĐ:

Tổng giá trị PTĐ	Mức phạt
$\leq 1.000.000$	500.000 - 1.000.000
1.000.000 - 10.000.000	1.000.000 - 2.000.000
10.000.000 - 30.000.000	2.000.000 - 5.000.000
30.000.000 - 50.000.000	5.000.000 - 10.000.000
50.000.000 - 70.000.000	10.000.000 - 20.000.000
$\geq 70.000.000$	20.000.000 - 30.000.000

IV. Hành vi vi phạm và xử phạt

* Hành vi sử dụng PTĐ (1 hoặc nhiều PTĐ) bị sai, hỏng hoặc không đạt yêu cầu quy định về kỹ thuật đo lường (k3, Đ10)

Mức phạt tùy thuộc vào tổng giá trị PTĐ:

Tổng giá trị PTĐ	Mức phạt
$\leq 5.000.000$	2.000.000 - 5.000.000
5.000.000 - 10.000.000	5.000.000 - 10.000.000
10.000.000 - 30.000.000	10.000.000 - 20.000.000
30.000.000 - 50.000.000	20.000.000 - 30.000.000
50.000.000 - 70.000.000	30.000.000 - 50.000.000
$\geq 70.000.000$	50.000.000 - 700.000.000

IV. Hành vi vi phạm và xử phạt

* Một trong các hành vi khi Sử dụng một hoặc nhiều PTĐ (*k4, k5, Đ10*):

- Làm thay đổi cấu trúc, đặc tính kỹ thuật ĐL của PTĐ;
- Tác động, điều chỉnh, lắp thêm, rút bớt, thay thế chức năng, cấu trúc kỹ thuật của PTĐ làm sai lệch kết quả đo hoặc sử dụng các thiết bị khác để điều chỉnh sai số của PTĐ vượt quá giới hạn sai số cho phép;
- Không thực hiện việc kiểm định hoặc hiệu chuẩn PTĐ trong thời hạn quy định theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

IV. Hành vi vi phạm và xử phạt

Mức phạt tùy thuộc vào tổng giá trị PTĐ:

Tổng giá trị PTĐ	Mức phạt
$\leq 1.000.000$	5.000.000 - 10.000.000
1.000.000 - 10.000.000	10.000.000 - 20.000.000
10.000.000 - 30.000.000	20.000.000 - 30.000.000
30.000.000 - 50.000.000	30.000.000 - 50.000.000
50.000.000 - 70.000.000	50.000.000 - 70.000.000
$\geq 70.000.000$	70.000.000 - 100.000.000

Ngoài ra: Hình thức xử phạt bổ sung
và Biện pháp khắc phục hậu quả

IV. Hành vi vi phạm và xử phạt

2. Vi phạm đối với lượng của hàng đóng gói sẵn trong sản xuất hoặc nhập khẩu (Đ15)

(1) Phạt tiền từ 4trđ đến 8trđ đối với một trong các hành vi sau đây:

- a) Không ghi lượng của HĐGS trên nhãn HH hoặc ghi không đúng quy định; không ghi, khắc đơn vị đo theo đơn vị đo pháp định;
- b) Lượng của HĐGS không phù hợp với thông tin ghi trên nhãn HH, tài liệu đi kèm...
- c)
- d)
- đ)

IV. Hành vi vi phạm và xử phạt

(2) Hành vi SX hoặc NK HĐGS mà **lượng** của HĐGS đó có **GTTB nhỏ hơn GTTB cho phép** theo yêu cầu kỹ thuật đo lường do tổ chức, cá nhân công bố hoặc cơ quan có thẩm quyền quy định để **thu lợi bất chính**

➤ **Mức phạt tiền được quy định tùy thuộc vào số tiền thu lợi bất chính có được**

Quy định cụ thể tại khoản 2, Điều 15, NĐ 119

+ *Tịch thu số tiền thu lợi bất chính có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này.*”

+ Biện pháp khắc phục hậu quả:

IV. Hành vi vi phạm và xử phạt

3. Vi phạm về đo lường đối với lượng của hàng đóng gói sẵn trong buôn bán

(1) Phạt tiền từ 2trđ – 4trđ đối với một trong các hành vi sau đây:

- a) Buôn bán HĐGS không ghi lượng trên nhãn HH hoặc ghi không đúng quy định; ghi, khắc đơn vị đo không đúng đơn vị đo lường pháp định;
- b) Buôn bán HĐGS có lượng ghi trên nhãn HH không phù hợp với tài liệu đi kèm hoặc ghi lượng của HĐGS không phù hợp với yêu cầu kỹ thuật đo lường
- c)
- d)

IV. Hành vi vi phạm và xử phạt

(2) Hành vi BB HĐGS mà **lượng** của HĐGS đó có **GTTB nhỏ hơn GTTB cho phép** theo yêu cầu kỹ thuật đo lường do tổ chức, cá nhân công bố hoặc do cơ quan có thẩm quyền quy định để *thu lợi bất chính*

➤ *Mức phạt tiền được quy định tùy thuộc vào số tiền thu lợi bất chính có được*

Quy định cụ thể tại khoản 2, Điều 16, NĐ 119

+ *Tịch thu số tiền thu lợi bất chính có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này.*”

+ *Biện pháp khắc phục hậu quả:*

IV. Hành vi vi phạm và xử phạt

1. Vi phạm quy định về công bố tiêu chuẩn áp dụng

* Không công bố tiêu chuẩn áp dụng:

Mức phạt : 10.000.000 – 20.000.000 đ

* SX, NK SP, HH có chất lượng không phù hợp với tiêu chuẩn đã công bố áp dụng:

+ **Mức phạt tùy thuộc vào giá trị hàng hóa (TB 10% giá trị hàng hóa)**

+ **Mức phạt 01 – 02 lần Giá trị SPHH đã tiêu thụ**

IV. Hành vi vi phạm và xử phạt

* Nội dung TCCB áp dụng không phù hợp với QCVN tương ứng

+ *Mức phạt 20.000.000 – 40.000.000 đồng*

+ *Mức phạt 02– 03 lần Giá trị SPHH đã tiêu thụ*

2. *Vi phạm về hệ thống quản lý chất lượng:*

- Không thực hiện đúng theo tiêu chuẩn về hệ thống quản lý đã công bố áp dụng;

- Không xây dựng, áp dụng và duy trì hệ thống quản lý chất lượng (ISO 9001:2015);

- Không áp dụng ISO 9001 nhưng công bố áp dụng;

Mức phạt 10.000.000 – 20.000.000 đồng

IV. Hành vi vi phạm và xử phạt

3. Vi phạm quy định về hợp chuẩn:

- Hành vi SX, NK SPHH có chất lượng không phù hợp với tiêu chuẩn đã công bố hợp chuẩn.

Mức phạt từ 1trđ – 200 trđ

tùy thuộc Giá trị HH vi phạm

- **H**ành vi SX hoặc NK SPHH vi phạm về công bố hợp chuẩn (K2, Đ18)

Mức phạt từ 10trđ – 20trđ

IV. Hành vi vi phạm và xử phạt

- Phạt từ 30trđ đến 50trđ đv 1 trong các hành vi (K3, Đ18):

- + Không duy trì liên tục sự phù hợp của SP, HH;
- + Không tạm dừng việc xuất xưởng và tiến hành thu hồi các SP, HH không phù hợp đang lưu thông trên tt;
- + Không tiến hành các biện pháp khắc phục;
- + Không thông báo bằng văn bản cho cơ quan có thẩm quyền về kết quả khắc phục

K4, k5, Đ18

IV. Hành vi vi phạm và xử phạt

4. Vi phạm quy định về Hợp quy:

- SX, NK LPG có *chất lượng* không phù hợp với QCVN 08/2019/BKHCN (k1, Đ19)

**Mức phạt từ 1trđ – 300 trđ
tùy thuộc Giá trị HH vi phạm**

- **Phạt từ 10trđ đến 20trđ đv 1** trong các hành vi *Không nộp cho cơ quan kiểm tra **kết quả tự đánh giá sự phù hợp**; Ko nộp **Bản sao y bản chính chứng chỉ chất lượng** hoặc chứng thư giám định... (NĐ 126 bs)*

IV. Hành vi vi phạm và xử phạt

- Hành vi SX hoặc NK SPHH (LPG):

- + Không lập và lưu giữ hồ sơ CBHQ;
- + Không duy trì việc kiểm soát CL, thử nghiệm và giám sát định kỳ

15 – 30 trđ

- Hành vi SX SPHH (LPG):

- + Không thực hiện CNHQ;
- + Không đăng ký hồ sơ CBHQ tại CQ có t/quyền;
- + Không sử dụng dấu hợp quy, sử dụng dấu hợp quy không đúng quy định

... (k2, Đ19) **Mức phạt: 30 – 40trđ**

IV. Hành vi vi phạm và xử phạt

*** Hành vi vi phạm về chất lượng hàng hóa lưu thông trên thị trường:**

- Vi phạm đối với hàng hóa (LPG):
 - + Không công bố tiêu chuẩn áp dụng;
 - + Có CL không phù hợp với TCCB áp dụng;
 - + Có CL không phù hợp QCVN;
 - + Sản xuất, kinh doanh hàng giả.

IV. Hành vi vi phạm và xử phạt

- Bán hàng hóa Ko có CBTCAD:

Mức phạt: 500.000 -1.000.000đ

- Bán hàng hóa Ko có dấu HQ, dấu HQ không đúng quy định:

Mức phạt: 2trđ – 5trđ

- Bán HH có CL không phù hợp với TCCBAD hoặc TC áp dụng đã công bố hợp chuẩn.

Mức Phạt: từ 01 - 02 lần

tổng giá trị SPHH vi phạm đã tiêu thụ.

IV. Hành vi vi phạm và xử phạt

- Phạt tiền từ 02 - 03 lần giá trị SP,HH vi phạm đã tiêu thụ đối với 01 trong các hành vi:

+ Thay thế, đánh tráo, thêm, bớt thành phần hoặc chất phụ gia, pha trộn tạp chất làm chất lượng SPHH không phù hợp với TCCBAD.

+ Bán hàng hóa có CL không phù hợp QCVN;

+ Bán hàng hóa chưa được quản lý theo quy định tại QCVN hoặc chưa được CNHQ hoặc giám định phù hợp QCVN đối với hàng hóa nhóm 2.

IV. Hành vi vi phạm và xử phạt

- Phạt tiền từ 03 đến 05 lần giá trị hàng hóa vi phạm đã tiêu thụ đối với hành vi thay thế, đánh tráo, thêm, bớt thành phần hoặc chất phụ gia, pha trộn tạp chất hoặc có chất mất an toàn cho người, động vật, thủy sản nuôi, tài sản, cây trồng và môi trường làm chất lượng sản phẩm, hàng hóa không phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng hoặc quy định của cơ quan có thẩm quyền.

IV. Hành vi vi phạm và xử phạt

Điều 29a. Vi phạm quy định trong SX, pha chế khí

1. Phạt tiền từ 10trđ – 20trđ một trong các hành vi:

- a) Thực hiện pha chế khí nhưng không nộp Bản tự công bố phù hợp điều kiện pha chế khí theo quy định;*
- b) Không thông báo cho cơ quan có thẩm quyền về tiêu chuẩn của phụ gia được sử dụng để pha chế khí theo quy định.*

2. Phạt tiền từ 40trđ – 60trđ một trong các hành vi sau:

IV. Hành vi vi phạm và xử phạt

a) Khg có phòng thử nghiệm CL khí hoặc không có HĐ thuê tối thiểu 01 năm đơn vị có phòng thử nghiệm đã đăng ký hoạt động thử nghiệm theo quy định pháp luật, có đủ năng lực thử nghiệm các chỉ tiêu CL khí theo TCCBAD và QCVN;

b) Pha chế khí tại địa điểm không phải nơi được ghi trong Bản tự công bố phù hợp điều kiện pha chế khí đã gửi cho cơ quan quản lý có thẩm quyền.

3. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 1, điểm b khoản 2 Điều này.

IV. Hành vi vi phạm và xử phạt

* Hành vi vi phạm quy định về ghi nhãn HH trong KD:

- HH có nhãn bị che lấp, rách nát, mờ không đọc được hoặc không đọc được hết các nội dung bắt buộc trên nhãn.

- HH có nhãn ghi không đúng quy định về kích thước chữ và số, ngôn ngữ sử dụng và đơn vị đo.

Mức phạt: 500.000đ đến 30.000.000đ tùy thuộc vào giá trị hàng hóa vi phạm

IV. Hành vi vi phạm và xử phạt

- Vi phạm quy định về nội dung bắt buộc trên nhãn hàng hóa hoặc nội dung bắt buộc phải thể hiện trên nhãn theo tính chất hàng hóa

+ *không ghi đủ hoặc ghi không đúng các nội dung bắt buộc trên nhãn hàng hóa;*

+ *không có nhãn phụ bằng tiếng Việt Nam*

Mức phạt: 500.000đ đến 30.000.000đ tùy thuộc vào giá trị hàng hóa vi phạm

**XIN CHÂN THÀNH CẢM ƠN QUÝ VỊ
LẮNG NGHE!**

